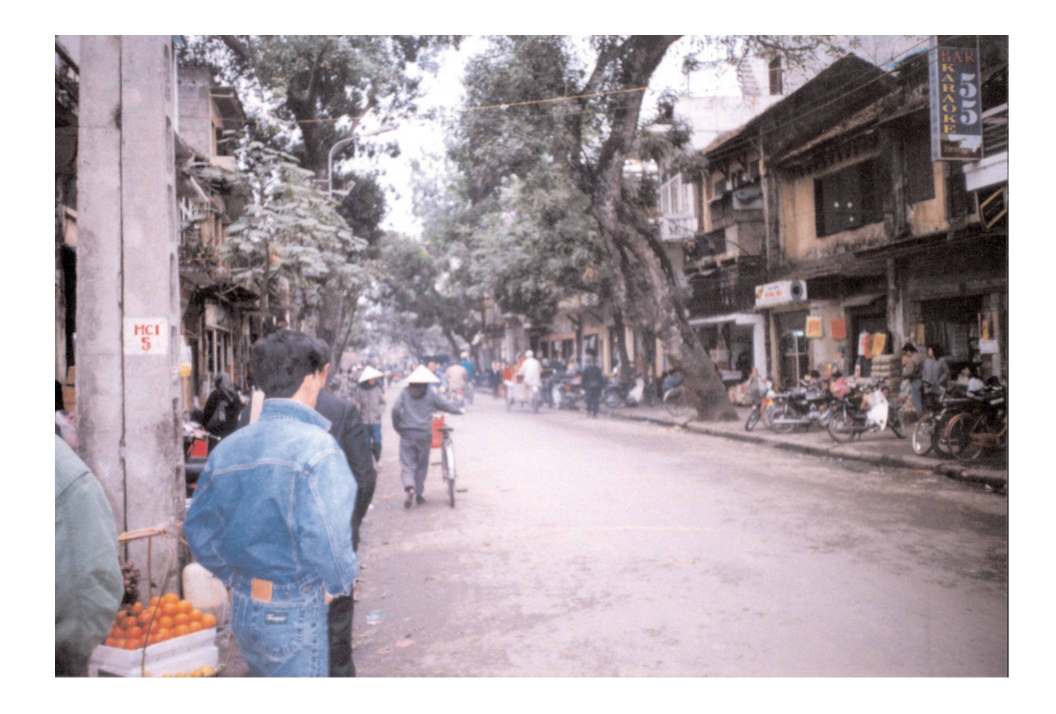
ANNEXES

ANNEXE 1: DOCUMENTS PHOTOGRAPHIQUES: QUELQUES ASPECTS DE LA VIE URBAINE
ANNEXE 2: VILLES ET HIÉRARCHIE URBAINE SELON L'INSTITUT DE PLANIFICATION URBAINE ET RURALE
ANNEXE 3: QUELQUES DÉFINITIONS
ANNEXE 4: BIBLIOGRAPHIE
ANNEXE 5: LISTE DES CARTES ET DES FIGURES

ANNEXE 1: DOCUMENTS PHOTOGRAPHIQUES: QUELQUES ASPECTS DE LA VIE URBAINE





Ha Noi - ville: Quartier ancien.
Les maisons sont à la fois des résidences, des magasins ou des ateliers

Photographie: VU CHI DONG, Maison de la Géographie, GIP RECLUS

Un exemple du processus d'urbanisation:
Nghia Do - une petite ville de la périphérie de Ha Noi



Les maisons de première génération: résidences collectives construites par l'État, sur l'espace agricole, pendant les années 80; les résidents travaillent essentiellement dans les sociétés étatiques



Les maisons en deuxième génération: maisons construites par les résidents, avec des magasins et des services .



Les maisons de troisième génération: maisons qui viennent d'être construites (années 90), mais pas bien organisées; l'infrastructure n'a pas encore suivi l'accroissement de population.

Photographie: VU CHI DONG, Maison de la Géographie, GIP RECLUS



Des bâtiments d'administration ou de services se trouvent toujours au centre-ville
Image: Une banque au centre-ville de Thai Nguyen



Muong Khen, 2500 habitants (dans la province de Hoa Binh)

Photographie: VU CHI DONG, Maison de la Géographie, GIP RECLUS



Marché rural dans une commune de la province de Ha Tay



Un exemple sur la périphérie d'une «ville administrative»:
Un village dans la périphérie de la «ville administrative» de Can Tho.
C'est l'espace rural.

Photographie: VU CHI DONG, Maison de la Géographie, GIP RECLUS



Photo: La ville de Dong Ha (dans la province de Quang Tri)
Quartier commercial très animé (photo au-dessous), contrairement au quartier administratif (photo au-dessus)



Photographie: VU CHI DONG, Maison de la Géographie, GIP RECLUS



My Tho: un nœud de communication routière et fluviale



Une rue fluviale de My Tho

Photographie: VU CHI DONG, Maison de la Géographie, GIP RECLUS



Can Tho - ville.
La plupart des villes du delta du Mékong s'appuient sur les bras du fleuve



Le port de Can Tho se situe sur le Mékong Postérieur qui donne l'accès à la mer



Delta du Mékong: Le trafic fluvial est très important ainsi que l'échange de marchandises est très pratique sur les fleuves.

Photo: Marché flottant près de Can Tho-ville.
Vendeur: paysan
Acheteur: commerçant

Photographie: VU CHI DONG, Maison de la Géographie, GIP RECLUS



Exemple de forte circulation à Sai Gon-ville

ANNEXE 2: VILLES ET HIÉRARCHIE URBAINE SELON L'INSTITUT DE PLANIFICATION URBAINE ET RURALE

La liste des villes(1) classées par des urbanistes vietnamiens se fondant sur les critères du 2nd article de la définition promulguée par le Conseil des Ministres(2):

Classe 1: Ho Chi Minh ville, Ha Noi(3)

Classe 2: Da Nang et Hai Phong

Classe 3: Can Tho, Nha Trang, Hue, Nam Dinh, Qui Nhon, Vung Tau, Long Xuyen, Da Lat, Bien Hoa, My Tho, Thai Nguyen, Vinh, Hong Gai (Ha Long), Phan Thiet, Cam Pha.

Classe 4: Buon Ma Thuot, Vinh Long, Soc Trang, Thanh Hoa, Ca Mau, Bac Lieu, Viet Tri, Phan Rang, Pleiku, Viet Tri, Hoa Binh, Rach Gia, Thai Binh, Yen Bai, Tuy Hoa, Cao Lanh, Hai Duong, Chau Doc, Sa Dec, Tan An, Bac Giang, Uong Bi, Tra Vinh, Tam Ky, Ben Tre, Thu Dau Mot, Ha Dong, Dong Ha, Quang Ngai, Son Tay, Tay Ninh, Bac Ninh, Kon Tum, Son La, Lang Son, Ninh Binh, Vinh Yen, Tuyen Quang, Bim Son, Kien An, Hoi An.

Classe 5: Cao Bang, Vinh An, Lai Chau, Tam Diep, Dong Hoi, Phu Tho, Do Son, Ha Nam, Hong Linh, Quang Tri, Go Cong, Ha Tinh, Sam Son, Ha Giang, Song Cong, Lao Cai, Hung Yen.

(1): Source: La population et l'urbanisation du Viêt-nam. Ministère de la Construction du Viêt-nam, l'Institut de planification urbaine et rurale. Ha Noi, 1992.
Ce sont les zones centrales des villes administratives, toutes les prériphéries ne sont pas comprises. Les limites des villes ici coïncident avec celles des villes étudiées dans notre thèse, mais nous gardons les noms des villes d'après ce document.
(2):Les critères: la population, l'infrastructure, la densité de population et le taux de la population non agricole dans la population totale,
(3): C'est Sai Gon - ville et Ha Noi - ville dans notre thèse.

ANNEXE 3: QUELQUES DÉFINITIONS

1. Terminologie:

• ***zone centrale***, ***périphérie*** d'une ville: Une ville administrative du Viêt-nam, se divise en deux zones: zone centrale d'une ville (*nội thành, nội thị* en vietnamien), la périphérie d'une ville (*ngoại thành, ngoại thị*):

- Zone centrale: c'est l'espace urbain, l'espace rural non compris. Cette zone ressemble à la ville telle que comprise par les concepts de plusieurs pays. Donc nous utilisons le mot espace urbain ou ville pour nommer la zone centrale
- La périphérie: c'est l'espace qui entoure la zone centrale. Elle est intégrée dans la ville en raison de l'aménagement du territoire au Viêt-nam. La périphérie comporte l'espace périurbain, l'espace rural, et même l'espace urbain de la périphérie de Ha Noi, Ho Chi Minh ville et Hai Phong.

Voir les figures de la page 13.

• ***ville de rang national*** (*Thành phố*): Elle dépend directement de l'État. Une ville administrative de rang national englobe la zone centrale, la périphérie comportant l'espace rural et l'espace périurbain et les petites villes.

• ***ville de rang provincial*** (*Thành phố* ou *Thị xã*): ville dépend directement du pouvoir provincial.

• ***ville de district*** (*Thị trấn*): ville dépend directement du pouvoir de district

• ***ville***: unité urbaine à partir de 2000 habitants. Voir aussi le premier chapitre de la page 7 à la page 19.

• ***ville administrative***: «Ville» selon la division administrative de l'État

2. Les noms de villes:

• Ha Noi - ville, Sai Gon-ville, Hai Phong - ville: Ce sont les zones centrales des Ha Noi, Ho Chi Minh ville, Hai Phong. Elles sont des villes au point du vue géographique; Ha Noi, Ho Chi Minh ville et Hai Phong sont équivalentes aux provinces.

• Thai Binh - ville (*Thị xã* Thái Bình), Thai Binh, etc: Thai Binh - ville est le nom de ville, Thai Binh est le nom de province. Plusieurs provinces ont aussi des villes du même nom qu'elles mêmes.

3. Les noms de régions:

• Le Nord, le Sud et le Centre: Ces mots veulent dire trois grands ensembles urbains du pays (Nord, Centre, Sud, voir la carte II.1c, page 22). Ils diffèrent des mots nord, sud, centre qui indiquent des positions relatives.

ANNEXE 4: BIBLIOGRAPHIE

Documents publiés au Viêt-nam:

Auteurs:

Đàm Trung Phường. Đô thị Việt Nam. Nhà Xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 1995.
(Dam Trung Phuong. Les villes du Viêt-nam. Éditions de Construction, Ha Noi, 1995).

Vũ Tự Lập (chủ biên), Đàm Trung Phường, Ngô Đức Thịnh, Tô Ngọc Thanh, Đinh Thị Hoàng Uyên (bản đồ). Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng. Nhà xuất bản khoa học xã hội. Hà Nội, 1991.
(Vu Tu Lap (rédacteur en chef), Dam Trung Phuong, Ngo Duc Thinh, Dinh Thi Hoang Uyen (cartographie). La culture et la population du delta du Fleuve Rouge. Édition des sciences sociales. Ha Noi, 1991).

Organismes:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Niên Giám thống kê lao động thương binh và xã hội 1993. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
(Ministry of Labour - Invalids and Social affairs. Statistic yeabook of labour-invalids and social affairs 1993. National political publishing house, Ha Noi, 1994)

Bộ Xây dựng. Viện Qui hoạch đô thị nông thôn. Cẩm nang dân số - đô thị hóa Việt Nam. Hà Nội, 1992.
(Ministère de la Construction du Viêt-nam, L'institut de planification urbaine et rurale. La population et l'urbanisation du Viêt-nam. Ha Noi, 1992).

Bộ Xây dựng. Viện Qui hoạch đô thị nông thôn. Cẩm nang dân số - đô thị hóa Hà Nội. Hà Nội, 1992.
(Ministère de la Construction du Viêt-nam, L'institut de planification urbaine et rurale.La population et l'urbanisation de Ha Noi. Ha Noi, 1992).

Bưu điện Việt Nam. Danh bạ điện thoại Việt Nam 1994.
(Vietnam phonebook 1994)

Cục đo đạc và bản đồ nhà nước. Tập bản đồ Việt Nam, hành chính và hình thể. 1984.
(Département d'État de géodésie et de cartographie. Atlas administratif et morphologique du Viêt-nam. 1984).

Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam. Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 1, A-Đ. Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995.
(Conseil d'État pour rédiger l'Encyclopédie du Viêt-nam. Encyclopédie du Viêt-nam, tome 1, A - D. Centre d'édition de l'Encyclopédie du Viêt-nam, Ha Noi, 1995)

Tổng cục thống kê. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1993.
(General Statistique Office. Catalogue of the administrative divisions. Statistical publishing house, 1993)

Tổng cục thống kê. Kinh tế và tài chính Việt Nam 1986 - 1990. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1991.
(General Statistique Office. Economy and finance of Vietnam 1986 - 1990. Statistical publishing house, 1990).

Tổng cục thống kê. Kinh tế và tài chính Việt Nam 1986 - 1992. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1995.
(General Statistique Office. Economy and finance of Vietnam 1986 - 1992. Statistical publishing house, 1995).

Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1989. Nhà xuất bản thống kê, 1991.
(Département Général des Statistiques. Annuaire statistique 1989. Édition Statistique, 1991).

Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1992. Nhà xuất bản thống kê, 1993.
(General Statistique Office. Statistical yeabook 1992. Statistical publishing house, 1993)

Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1993. Nhà xuất bản thống kê, 1994.
(General Statistique Office. Statistical yeabook 1993. Statistical publishing house, 1994)

Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1994. Nhà xuất bản thống kê, 1995.
(General Statistique Office. Statistical yeabook 1994. Statistical publishing house, 1995).

Tổng cục thống kê. Số liệu thống kê tình hình cơ bản và cơ sở hạ tầng nông thôn Việt Nam. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1995.
(General Statistique Office. Statistical data on basic situation and infrastructure or rural region in Vietnam. Statistical publishing house,

1995).

Tổng cục thống kê. Tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Số liệu thống kê Vụ thống kê tổng hợp và thông tin. Cục thống kê Hà Nội, Hà Nội, 1994.
(Département Général des Statistiques. Zone triangulaire de croissance économique Ha Noi - Hai Phong - Quang Ninh. Section de statistiques générales et d'informations. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1994).

Tổng điều tra dân số Việt Nam - 1989. Kết quả điều tra toàn diện. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương, Hà Nội, 1991.
(Vietnam population census - 1989. Completed census results. Central census steering committee, Ha Noi, 1991).

Tổng điều tra dân số 1 - 4 - 1989. Tập bản đồ dân số Việt Nam. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương, Hà Nội, 1991.
(Population census 1 april 1989. Atlas Vietnam population. Central census steering committee, Ha Noi, 1991)

Vụ Công nghiệp, Tổng cục thống kê.Số liệu công nghiệp Việt Nam 1989 - 1993. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1994.
(Industrial department, General statistical office. Industrial data 1989 - 1993. Statistical publishing house, 1994)

Autres:

Dân số Việt Nam 1 - 10 - 1979. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương, Hà Nội, 1983
(Population du Viêt-nam 1 - 10 - 1979. Comité d'État pour la censure démographique, Ha Noi, 1983)

Hà Nội, Niên giám thống kê 1991. Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội, 1992.
(Ha Noi, Annuaire statistique 1991. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1992).

Hà Nội, Niên giám thống kê 1993. Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội, 1994.
(Ha Noi, Annuaire statistique 1993. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1994).

Hà Nội, Niên giám thống kê 1991 - 1995. Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà

Nội, 1995.
(Ha Noi, Annuaire statistique 1991 - 1995. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1995).

Niên giám thống kê thành phố Hồ Chí Minh 1993. Cục thống kê thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, 12/1993.
(Annuaire statistique de Ho Chi Minh ville 1993. Département des statistiques de Ho Chi Minh ville, Ho Chi Minh ville, 12/1993)

Niên giám thống kê thành phố Hồ Chí Minh 1995. Cục thống kê thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, 12/1995.
(Annuaire statistique de Ho Chi Minh ville 1995. Département des statistiques de Ho Chi Minh ville, Ho Chi Minh ville, 12/1995)

Documents publiés hors du Viêt-nam:

Auteurs:

Amor BELHEDI. L'organisation de l'espace en Tunisie. Production et reproduction de l'espace. Publications de la faculté des sciences humaines et sociales, 1992.

Roger BRUNET. La carte, mode d'emploi. Fayard/Reclus, 1987.

Roger BRUNET, Robert FERRAS, Hervé THÉRY. Les mots de la géographie. Dictionnaire critique. Troisième édition revue et augmentée. RECLUS - La Documentation Française, 1993.

Joël CHARRE. Statistique et territoire. RECLUS, Montpellier, 1995.

Félix DAMETTE. La France en villes. Université de Paris 1 - Sorbonne - CNRS - Laboratoire Strates - UA 142, Groupe Huit. 1994.

T. LANGLET-QUACH. Le phénomène urbain dans le Viêt-nam traditionnel, dans cahier des amis de l'Orient, Musée Guimet, Paris, hiver 1993-94, pp 419-442.

T. LANGLET-QUACH. Le phénomène urbain dans le Viêt-nam contemporain, dans cahier des amis de l'Orient, Musée Guimet, Paris, hiver 1993-94, pp 4-8.

Ch PÉDELAHORE. Villes vietnamiennes: Élément constitutif de la ville d'Hanoi. Grase, Paris, 1983, 141 p.

Philippe PINCHEMEL. La France. Milieux naturels, population, politiques. Tome 1 et 2. Armand Colin, Paris 1980, 1981.

Denise PUMAIN et Thérèse SAINT-JULIEN. Atlas des villes de France. Reclus - La documentation Française, 1989.

Lena SANDERS. L'analyse des données appliquée à la géographie. GIP RECLUS, Montpellier, 1989.

Christian TAILLARD (avec la collaboration de P. Brocheux). Le Viêt-nam, émergence d'un nouveau dragon, dans livre *Asie du Sud-Est* du volume *Asie du Sud-Est, Océanie* de la Géographie Universelle, Berlin-Paris 1995, pp 188-213.

Christine VOIRON. Analyse spatiale et analyse d'image par la morphologie mathématique. Reclus, Montpellier, 1995.

VU TU LAP, Christian TAILLARD. Atlas du Viêt-nam. RECLUS - La Documentation Française, 1994.

Organismes:

Actions thématiques programmées. A.T.P.N°10. Sciences humaines. Espaces et région en Europe occidentale (Structures et dimensions de régions en Europe occidentale). Sous la direction de MM. Étienne JULLARD et Henri NONN, responsables de l'E.R.A. 214 du CNRS. Professeurs à l'Université L.Pasteur, Strasbourg. Éditions du Centre national de la recherche scientifique, Paris, 1976.

Atlas de France, dirigé par Roger BRUNET et Franck AURIAC. Volume 12: L'espace des villes, coordonné par Denise PUMAIN et Thérèse SAINT-JULIEN. Montpellier - Paris: GIP RECLUS - La Documentation Française, 1995.

Britannica. Book of the year. 1994. Encyclopædia Britannica, Inc. Chicago.

L'État du Monde. Annuaire économique et géopolitique mondiale. Édition La Découverte, Paris, 1995.

Réseaux et territoires. Groupe d'Études et de Mobilisation. RECLUS, Montpellier, 1993.

ANNEXE 5: LISTE DES CARTES ET FIGURES

Chapitre I: L'urbain et la ville au Viêt-nam

Chapitre II: villes et structuration de l'espace

Chapitre III: Les villes principales et leur rôle dans l'organisation de l'espace

Chapitre IV: Structures et dynamiques spatiales des deux métropoles, Ha Noi et Ho Chi Minh ville

Chapitre V: Réseaux urbains régionaux et organisation de l'espace